

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Số: 212 /TB-CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Bán niên 2025 soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DNW

- Địa chỉ: Số 48, đường Cách mạng tháng Tám, Phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- Điện thoại liên hệ: 0251 3843316

- Email: capnuocdongnai@dowaco.vn; Website: dowaco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Bán niên 2025 soát xét:

☒ BCTC riêng (CTĐCQML không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (CTĐCQML có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (CTĐCQML có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..21.../8/2025 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng và Hợp nhất Bán niên 2025
soát xét.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/ UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Cao Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

9 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025)
Ông Đặng Văn Chắt	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025)
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Nguyên	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025)
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/03/2025)
Ông Đặng Văn Chắt	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
Ông Lê Thành Trung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Số: 34/2025/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**Trịnh Thanh Thanh
Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2025-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2025*

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.853.690.963	675.751.689.566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.187.972.837	25.667.043.439
1. Tiền	111	4.1	37.187.972.837	25.667.043.439
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		430.000.000.000	553.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	430.000.000.000	553.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.446.371.047	57.903.015.892
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	46.110.269.207	35.854.654.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	15.394.759.381	4.381.382.436
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	15.231.636.584	22.957.272.615
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(5.290.294.125)	(5.290.294.125)
IV. Hàng tồn kho	140		42.015.018.036	38.075.145.070
1. Hàng tồn kho	141	4.7	42.015.018.036	38.075.145.070
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		204.329.043	406.485.165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	204.329.043	406.485.165
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.602.071.725.008	2.649.778.839.488
I. Tài sản cố định	220		2.277.953.328.231	2.320.975.314.558
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.987.178.231.433	2.026.332.037.620
Nguyên giá	222		5.240.630.043.638	5.139.970.648.342
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.253.451.812.205)	(3.113.638.610.722)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	290.775.096.798	294.643.276.938
Nguyên giá	228		373.931.378.291	373.931.378.291
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.156.281.493)	(79.288.101.353)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		153.567.066.997	158.249.181.094
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	153.567.066.997	158.249.181.094
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	145.891.307.431	146.702.786.642
1. Đầu tư vào công ty con	251		103.728.819.600	103.728.819.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.800.368.003	7.800.368.003
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.209.842.490	54.209.842.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.847.722.662)	(19.036.243.451)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		24.660.022.349	23.851.557.194
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	24.660.022.349	23.851.557.194
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.182.925.415.971	3.325.530.529.054

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.020.620.039.738	1.040.516.672.045
I. Nợ ngắn hạn	310		437.463.583.859	435.791.247.734
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	37.597.160.872	48.076.779.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.691.634.069	5.099.503.566
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	22.790.502.699	12.936.338.289
4. Phải trả người lao động	314	4.14	47.398.319.614	66.134.938.552
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	40.809.977.869	8.698.508.591
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	15.098.306.071	16.420.367.534
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	208.619.555.764	223.201.073.681
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.18	60.458.126.901	55.223.738.090
II. Nợ dài hạn	330		583.156.455.879	604.725.424.311
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		6.449.722.373	6.608.516.442
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	1.382.977.596
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	576.706.733.506	596.733.930.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.162.305.376.233	2.285.013.857.009
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19.1	2.162.305.376.233	2.285.013.857.009
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.307.706.961	115.307.706.961
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		350.292.198.958	264.768.092.419
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		496.705.470.314	704.938.057.629
LNST chưa phân phối lũy kể đến CK trước	421a		390.032.355.713	376.979.491.700
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106.673.114.601	327.958.565.929
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.182.925.415.971	3.325.530.529.054



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bách Thảo
Người lập

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	565.695.872.389	565.899.970.543
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		565.695.872.389	565.899.970.543
3. Giá vốn hàng bán	11	4.22	338.973.438.626	338.380.949.388
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		226.722.433.763	227.519.021.155
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	14.750.425.078	59.725.504.455
6. Chi phí tài chính	22	4.24	62.671.635.948	16.832.447.484
Trong đó, chi phí lãi vay	23		13.111.254.031	14.676.556.553
7. Chi phí bán hàng	25	4.25	32.189.131.435	29.658.393.867
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	29.171.829.390	33.335.924.516
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		117.440.262.068	207.417.759.743
10. Thu nhập khác	31		2.800.608.057	3.961.610.809
11. Chi phí khác	32		1.464.115.333	1.105.027.651
12. Lợi nhuận khác	40		1.336.492.724	2.856.583.158
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118.776.754.792	210.274.342.901
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	12.103.640.191	21.790.494.337
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		106.673.114.601	188.483.848.564



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bách Thảo
Người lập

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		118.776.754.792	210.274.342.901
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	143.681.381.623	147.291.682.893
Các khoản dự phòng	03		811.479.211	6.085.172.974
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		47.375.215.814	(45.606.373.143)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.684.805.815)	(11.108.807.017)
Chi phí lãi vay	06	4.24	13.111.254.031	14.676.556.553
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		309.071.279.656	321.612.575.161
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.749.378.677)	(4.807.037.832)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.939.872.966)	(1.550.228.758)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		20.365.249.278	(62.714.937.661)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(606.309.033)	863.534.616
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.541.858.648)	(15.635.033.182)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(7.944.371.850)	(11.563.733.872)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(32.147.206.566)	(17.937.012.803)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		262.507.531.194	208.268.125.669
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(119.352.996.888)	(51.850.170.184)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(330.000.000.000)	(438.700.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		453.700.000.000	340.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.140.120.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.864.432.390	11.263.135.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.211.435.502	(140.427.154.399)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	29.208.653.000	70.496.619.005
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(111.192.583.498)	(111.131.745.784)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.19.4	(191.214.106.800)	(40.593.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(273.198.037.298)	(40.675.720.279)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		11.520.929.398	27.165.250.991
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.667.043.439	44.996.501.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	37.187.972.837	72.161.752.502



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bách Thảo
Người lập

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 09 tháng 03 năm 2016, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với Mã chứng khoán là DNW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.200.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Việt Nam	767.869.200.000	63,99	767.869.200.000	63,99
Các cổ đông khác		432.130.800.000	36,01	432.130.800.000	36,01
Cộng		1.200.000.000.000	100	1.200.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 880 (01 tháng 01 năm 2025 là 855).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch, dịch vụ lắp đặt và sản xuất nước tinh khiết.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết:					
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	Số 52, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	36,00%	36,00%	36,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	Tổ 8, Khu phố 9, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	Số 329, đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch	Số 327, đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An	Tổ 1, Khu phố 1, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc	Tổ 1, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Khu phố 7, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	Số 119, ấp Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	Số 113, Đường Lê Duẩn, khu Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2024.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	141.076.860	46.775.299
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.046.895.977	25.620.268.140
Cộng	37.187.972.837	25.667.043.439

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,8%/năm đến 5%/năm	260.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,8%/năm đến 5%/năm	120.000.000.000	223.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6 tháng	4,8%/năm	50.000.000.000	30.000.000.000
Cộng			430.000.000.000	553.700.000.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (a)	90.978.819.600	-	90.506.883.360	90.978.819.600	-	100.662.252.080
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (b)	12.750.000.000	-	59.682.750.000	12.750.000.000	-	39.508.000.000
Cộng	103.728.819.600	-	150.189.633.360	103.728.819.600	-	140.170.252.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (c)	7.800.368.003	-	14.773.500.000	7.800.368.003	-	17.306.100.000
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (d)	50.000.000.000	(19.847.722.662)	(*)	50.000.000.000	(19.036.243.451)	(*)
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (e)	2.179.842.490	-	6.558.540.300	2.179.842.490	-	7.251.163.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (f)	2.030.000.000	-	3.589.000.000	2.030.000.000	-	3.100.000.000
Cộng	54.209.842.490	(19.847.722.662)		54.209.842.490	(19.036.243.451)	

(a) Khoản đầu tư chiếm 52,44% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là NTW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

(b) Khoản đầu tư chiếm 51,00% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Long Khánh, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là LKW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Long Khánh là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

(c) Khoản đầu tư chiếm 36,00% vốn điều lệ của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là DVW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

(d) Khoản đầu tư chiếm 8,30% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Gia Tân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Gia Tân là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(e) Khoản đầu tư chiếm 0,10% vốn điều lệ của CTCP Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán là SZC. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Sonadezi Châu Đức là đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản.

(f) Khoản đầu tư chiếm 2,00% vốn điều lệ của CTCP Dịch vụ Sonadezi, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là SDV. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Dịch vụ Sonadezi là thu gom rác thải không độc hại.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2025.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	19.036.243.451	16.474.988.870
Trích lập trong kỳ	811.479.211	2.068.602.423
Số dư tại 30/06	19.847.722.662	18.543.591.293

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	9.631.797.060	4.575.895.155
Phải thu từ khách hàng:		
Hợp tác xã An Hòa	5.261.071.175	5.261.071.175
Các khách hàng khác (*)	31.217.400.972	26.017.688.636
Cộng	46.110.269.207	35.854.654.966

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	971.186.381	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	2.727.300.467	1.774.621.867
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh	2.385.133.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Cấp thoát nước và Môi trường Waseen	1.890.647.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	1.619.469.733	-
Các nhà cung cấp khác (*)	5.801.022.800	2.606.760.569
Cộng	15.394.759.381	4.381.382.436

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	(3.770.820.351)	4.016.570.551	(3.770.820.351)
Tạm ứng vật tư lắp đặt tuyến cấp nước D300 dọc đường ven sông Đồng Nai	4.742.531.868	-	4.014.591.980	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.390.794.520	-	7.570.421.095	-
Các khoản phải thu khác (*)	2.081.739.645	-	7.355.688.989	-
Cộng	15.231.636.584	(3.770.820.351)	22.957.272.615	(3.770.820.351)

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản phải thu khác có số dư mỗi khoản phải thu dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

4.6. Nợ xấu

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn hoặc nợ phải thu khác chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên	8.498.817.919	9.766.310.469
Phải thu khác liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I (*)	3.770.820.351	3.770.820.351
Cộng	12.269.638.270	13.537.130.820

(*) Khoản phải thu lại các nhà thầu thuộc Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I do cắt giảm giá trị khối lượng các gói thầu theo Thông báo số 458/TB-KV XIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán Nhà nước. Khoản này không bao gồm thuế giá trị gia tăng phải thu lại ngân sách Nhà nước, với tổng giá trị là 245.750.200 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	5.290.294.125	1.519.473.774
Trích lập trong kỳ	-	4.016.570.551
Số dư tại 30/06	5.290.294.125	5.536.044.325

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	41.684.502.012	-	37.738.244.114	-
Công cụ, dụng cụ	219.256.092	-	270.494.513	-
Thành phẩm	111.259.932	-	66.406.443	-
Cộng	42.015.018.036	-	38.075.145.070	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II (*)	88.706.392.139	88.706.392.139
Dự án tuyến ống cấp nước Cảng hàng không quốc tế Long Thành	22.041.683.593	21.391.951.593
Các dự án khác	42.818.991.265	48.150.837.362
Cộng	153.567.066.997	158.249.181.094

(*) Là chi phí phát sinh thực tế của giai đoạn thiết kế chi tiết và hỗ trợ đấu thầu của Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 được đầu tư bởi Công ty với tổng mức đầu tư là 3.567.712.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Dự án hiện đang tạm dừng để hoàn thiện hồ sơ pháp lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc dùng vốn vay có vốn hỗ trợ phát triển của Chính phủ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	951.513.733.408	1.180.720.602.167	2.961.877.716.771	37.955.219.872	7.903.376.124	5.139.970.648.342
Mua trong kỳ	-	1.656.191.100	2.532.637.018	-	-	4.188.828.118
XDCB hoàn thành	322.853.519	1.849.331.193	94.175.213.331	346.525.926	-	96.693.923.969
Giảm khác	-	(223.356.791)	-	-	-	(223.356.791)
Tại ngày 30/06/2025	951.836.586.927	1.184.002.767.669	3.058.585.567.120	38.301.745.798	7.903.376.124	5.240.630.043.638
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	585.917.818.158	943.165.867.763	1.539.660.950.025	37.564.204.052	7.329.770.724	3.113.638.610.722
Khấu hao trong kỳ	18.153.331.005	33.469.607.111	87.987.001.618	150.463.695	69.203.640	139.829.607.069
Giảm khác	-	(16.405.586)	-	-	-	(16.405.586)
Phân loại lại	(351.135.041)	351.135.041	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	603.720.014.122	976.970.204.329	1.627.647.951.643	37.714.667.747	7.398.974.364	3.253.451.812.205
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	365.595.915.250	237.554.734.404	1.422.216.766.746	391.015.820	573.605.400	2.026.332.037.620
Tại ngày 30/06/2025	348.116.572.805	207.032.563.340	1.430.937.615.477	587.078.051	504.401.760	1.987.178.231.433

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 của TSCĐ hữu hình là 931.572.163.828 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.000.183.619.536 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí quy hoạch bản đồ VND	Chương trình phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2025	369.091.830.176	2.814.843.027	2.024.705.088	373.931.378.291
Tại ngày 30/06/2025	369.091.830.176	2.814.843.027	2.024.705.088	373.931.378.291
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	75.306.474.872	1.956.921.393	2.024.705.088	79.288.101.353
Khấu hao trong kỳ	3.839.563.680	28.616.460	-	3.868.180.140
Tại ngày 30/06/2025	79.146.038.552	1.985.537.853	2.024.705.088	83.156.281.493
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	293.785.355.304	857.921.634	-	294.643.276.938
Tại ngày 30/06/2025	289.945.791.624	829.305.174	-	290.775.096.798

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 284.021.407.512 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.449.269.088 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	131.743.678	116.143.702
Các khoản khác	72.585.365	290.341.463
Cộng	204.329.043	406.485.165
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.116.183.995	2.976.055.112
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II	19.443.102.814	19.692.373.360
Các khoản khác	2.100.735.540	1.183.128.722
Cộng	24.660.022.349	23.851.557.194

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	7.486.388.824	7.486.388.824	17.214.260.369	17.214.260.369
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	7.507.281.500	7.507.281.500	5.304.915.340	5.304.915.340
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	3.895.975.672	3.895.975.672	1.400.004.000	1.400.004.000
Các nhà cung cấp khác (*)	18.707.514.876	18.707.514.876	24.157.599.722	24.157.599.722
Cộng	37.597.160.872	37.597.160.872	48.076.779.431	48.076.779.431

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	5.694.511.147	8.475.801.451	13.909.310.432	261.002.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.103.640.191	7.944.371.850	12.103.640.191	7.944.371.850
Thuế thu nhập cá nhân	455.949.305	4.077.046.664	4.124.705.895	408.290.074
Thuế tài nguyên	503.855.420	2.977.478.820	2.990.341.970	490.992.270
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	452.329.396	239.090.792	691.420.188	-
Các loại thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	3.580.217.240	26.942.120.657	26.690.655.968	3.831.681.929
Cộng	22.790.502.699	50.667.910.234	60.522.074.644	12.936.338.289

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng còn phải trả cho người lao động tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí thi công, xây lắp trích trước (*)	26.867.055.073	-
Chi phí đồng phục nhân viên trích trước	4.405.000.000	216.990.000
Chi phí tiền điện trích trước	3.084.337.928	3.759.082.534
Chi phí lãi vay trích trước	3.076.416.932	3.507.021.549
Các khoản trích trước khác	3.377.167.936	1.215.414.508
Cộng	40.809.977.869	8.698.508.591

(*) Là khoản trích trước chi phí thi công, xây lắp của các dự án đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng trong kỳ nhưng chưa nhận được hồ sơ quyết toán và hóa đơn GTGT từ các nhà thầu.

4.16. Phải trả khác ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả khác cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	12.930.000	12.930.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác:		
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	3.540.402.298	3.394.766.321
Tiền nước chưa xác định đối tượng	1.814.958.851	2.489.035.688
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.610.378.588	1.522.458.080
Các khoản phải trả khác (*)	8.119.636.334	9.001.177.445
Cộng	15.098.306.071	16.420.367.534

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản phải trả khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải trả khác ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vay**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II	126.068.376.709	126.068.376.709	55.621.492.760	70.446.883.615	140.893.767.564	140.893.767.564
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	70.609.798.330	70.609.798.330	35.618.056.330	34.108.896.000	69.100.638.000	69.100.638.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai	6.970.218.907	6.970.218.907	2.732.200.000	4.309.200.000	8.547.218.907	8.547.218.907
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	3.370.392.574	3.370.392.574	1.838.931.869	1.527.219.261	3.058.679.966	3.058.679.966
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	1.600.769.244	1.600.769.244	800.384.622	800.384.622	1.600.769.244	1.600.769.244
Cộng	<u>208.619.555.764</u>	<u>208.619.555.764</u>	<u>96.611.065.581</u>	<u>111.192.583.498</u>	<u>223.201.073.681</u>	<u>223.201.073.681</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II	301.907.396.736	301.907.396.736	42.542.390.908	55.621.492.760	314.986.498.588	314.986.498.588
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	200.360.166.000	200.360.166.000	29.208.653.000	35.618.056.330	206.769.569.330	206.769.569.330
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	48.884.186.842	48.884.186.842	4.832.824.906	1.838.931.869	45.890.293.805	45.890.293.805
Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai	21.152.868.505	21.152.868.505	-	2.732.200.000	23.885.068.505	23.885.068.505
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	4.402.115.423	4.402.115.423	-	800.384.622	5.202.500.045	5.202.500.045
Cộng	576.706.733.506	576.706.733.506	76.583.868.814	96.611.065.581	596.733.930.273	596.733.930.273

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II:

Hạn mức vay: 6.361.000.000 JPY và 41.000.000 USD

Thời hạn vay: 18 đến 25 năm

Lãi suất: 0,75%/năm – 3,53%/năm

Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I";
Đầu tư các hạng mục của dự án "Xây dựng mở rộng Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II".Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 448.724.128.044 VND – Xem thêm Mục 4.9;
Tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 283.912.022.712 VND – Xem thêm Mục 4.10.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

▪ Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai:

Hạn mức vay: Từ 2.150.000.000 VND đến 68.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 36 đến 120 tháng

Lãi suất: 7,00%/năm

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 318.750.622.891 VND – Xem thêm Mục 4.9.

▪ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh:

Hạn mức vay: 14.910.000.000 JPY

Thời hạn vay: 25 năm

Lãi suất: 1,4%/năm

Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II".

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hình thành trong tương lai.

▪ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai:

Hạn mức vay: Từ 3.839.000.000 VND đến 16.729.000.000 VND

Thời hạn vay: 120 tháng

Lãi suất: 7,375%/năm – 7,4%/năm

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 62.332.290.290 VND – Xem thêm Mục 4.9;

Tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 109.384.800 VND – Xem thêm Mục 4.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa:

Hạn mức vay: 22.209.000.000 VND

Thời hạn vay: 06 năm

Lãi suất: 6,24%/năm

Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Lắp đặt đường ống nước ở KCN Tân Đức, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận" và "Lắp đặt song chắn rác tại đầu ống thu nước thô D1800 ở nhà máy nước Thạnh Phú, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai".

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 6.992.865.250 VND – Xem thêm Mục 4.9.

4.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01	26.641.197.850	28.571.270.154	11.270.086	55.223.738.090
Trích quỹ trong kỳ	14.254.017.757	14.254.017.756	985.500.000	29.493.535.513
Chi trong kỳ	(4.059.329.914)	(19.203.046.702)	(996.770.086)	(24.259.146.702)
Tại ngày 30/06	36.835.885.693	23.622.241.208	-	60.458.126.901

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	1.200.000.000.000	115.307.706.961	177.796.296.128	645.801.946.618	2.138.905.949.707
Lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	188.483.848.564	188.483.848.564
Trích lập các quỹ	-	-	86.971.796.291	(116.934.395.054)	(29.962.598.763)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**) – Xem thêm Mục 4.31	-	-	-	(7.888.059.864)	(7.888.059.864)
Tại ngày 30/06/2024	1.200.000.000.000	115.307.706.961	264.768.092.419	709.463.340.264	2.289.539.139.644
Lợi nhuận trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	139.474.717.365	139.474.717.365
Chia cổ tức	-	-	-	(144.000.000.000)	(144.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	1.200.000.000.000	115.307.706.961	264.768.092.419	704.938.057.629	2.285.013.857.009
Lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	106.673.114.601	106.673.114.601
Trích lập các quỹ	-	-	85.524.106.539	(115.017.642.052)	(29.493.535.513)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(192.000.000.000)	(192.000.000.000)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**) – Xem thêm Mục 4.31	-	-	-	(7.888.059.864)	(7.888.059.864)
Tại ngày 30/06/2025	1.200.000.000.000	115.307.706.961	350.292.198.958	496.705.470.314	2.162.305.376.233

(*) Cổ tức được chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025.

(**) Là khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại thời điểm cổ phần hóa năm 2014. Hằng năm, Công ty phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp trong trường hợp phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hoặc bù trừ trong trường hợp phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá khi thanh toán các khoản vay có nguồn vốn viện trợ nước ngoài của Chính phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	767.869.200.000	767.869.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	432.130.800.000	432.130.800.000
Cộng	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120.000.000	120.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.19.4. Cổ tức

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	388.835.000	467.895.900
Cổ tức phải trả	192.000.000.000	-
Cổ tức đã trả (*)	(191.214.106.800)	(40.593.500)
Số dư tại 30/06	1.174.728.200	427.302.400

(*) Trong đó, cổ tức đã trả cho các bên liên quan trong kỳ là 124.842.246.400 VND – Xem thêm Mục 4.31.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
USD	23.098,63	23.098,63

4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	552.551.417.710	554.004.290.150
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	11.399.950.679	10.117.243.393
Doanh thu bán nước tinh khiết	1.744.504.000	1.778.437.000
Cộng	565.695.872.389	565.899.970.543

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	329.512.455.382	329.588.669.132
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	7.886.172.458	7.187.590.952
Giá vốn bán nước tinh khiết	1.574.810.786	1.604.689.304
Cộng	338.973.438.626	338.380.949.388

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	2.532.600.000	1.688.400.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.152.205.815	9.420.407.017
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.619.263	3.010.324.295
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	45.606.373.143
Cộng	14.750.425.078	59.725.504.455

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.375.215.814	-
Chi phí lãi vay	13.111.254.031	14.676.556.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.373.686.892	87.288.508
Dự phòng tổn thất đầu tư	811.479.211	2.068.602.423
Cộng	62.671.635.948	16.832.447.484

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	12.657.364.826	13.635.867.016
Chi phí vật liệu, bao bì	12.354.912.771	9.709.943.386
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	568.615.210	129.301.482
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.513.370	196.784.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.825.993.926	3.061.264.346
Chi phí khác bằng tiền	3.617.731.332	2.925.233.386
Cộng	32.189.131.435	29.658.393.867

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	22.091.038.013	23.340.755.330
Chi phí vật liệu quản lý	157.154.536	172.919.636
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.096.687.525	320.951.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	440.733.165	399.230.305
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	4.016.570.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.811.276	509.758.376
Chi phí khác bằng tiền	5.001.404.875	4.572.739.076
Cộng	29.171.829.390	33.335.924.516

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.828.396.859	27.523.933.980
Chi phí nhân công	111.584.710.510	116.113.736.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.681.381.623	147.291.682.893
Chi phí dự phòng	-	4.016.570.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.606.177.269	65.046.514.645
Chi phí khác bằng tiền	45.633.733.190	41.358.666.999
Cộng	400.334.399.451	401.351.105.561

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	118.776.754.792	210.274.342.901
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	852.000.320	4.477.388.733
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.532.600.000)	(1.688.400.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	117.096.155.112	213.063.331.634
Trong đó:		
- Thu nhập áp dụng thuế suất phổ thông 20%	3.940.246.797	4.841.611.740
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	113.155.908.315	208.221.719.894
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	12.103.640.191	21.790.494.337

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	29.208.653.000	70.496.619.005

4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(111.192.583.498)	(111.131.745.784)

4.31. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
14. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
15. Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
16. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
17. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
18. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
19. Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
20. Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Công ty cùng Tập đoàn
21. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	5.135.685.975	4.456.689.825
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	2.415.236.405	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	1.903.003.965	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	126.938.615	106.513.980
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	32.273.600	5.554.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	5.400.000	6.264.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	4.974.900	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	3.726.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	2.548.800	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	1.296.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	712.800	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	872.850
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	9.631.797.060	4.575.895.155
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	971.186.381	-
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.484.165.824	16.842.744.814
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	2.223.000	19.706.124
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	-	351.809.431
Cộng – Xem thêm Mục 4.12	7.486.388.824	17.214.260.369
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	437.427.839	-
Người mua trả tiền trước dài hạn:		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác về các khoản nhận đặt cọc:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	900.000	900.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	2.400.000	2.400.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	4.260.000	4.260.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	4.800.000	4.800.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	120.000	120.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	150.000	150.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.16	12.930.000	12.930.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	37.446.505.300	40.634.966.200
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	28.459.297.500	23.980.744.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	26.442.254.600	28.249.932.490
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	11.180.746.800	12.948.716.300
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	1.718.875.900	1.789.676.820
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	306.978.400	316.341.200
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	287.387.302	237.857.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	169.919.000	62.176.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	100.495.500	86.836.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	66.618.900	15.429.100
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	56.559.500	32.496.500
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	54.550.000	55.110.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	42.159.000	42.619.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	37.587.500	36.819.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	21.367.000	11.672.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	10.100.000	8.200.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	8.610.000	6.580.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	5.443.000	7.387.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.21	106.415.455.202	108.523.560.110
Cổ tức được chia – Xem thêm Mục 4.23:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	2.532.600.000	1.688.400.000
Chi trả cổ tức:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	122.859.072.000	-
Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên HĐQT	1.920.000.000	-
Ông Nguyễn Công Hiếu – Thành viên HĐQT	4.000.000	-
Ông Nguyễn Cao Hà – Phó Giám đốc	32.000	-
Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng	59.142.400	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.19.4	124.842.246.400	-
Thu nhập khác:		
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Thuê mặt bằng	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – Chuyển nhượng điện	104.493.368	111.198.127
Cộng	144.493.368	111.198.127
Chi phí vệ sinh, chăm sóc cây xanh:		
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	124.940.774	140.631.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí xử lý nước thải:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	40.745.000	11.680.000
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp – Xem thêm Mục 4.19.1:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	7.888.059.864	7.888.059.864

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
		Thù lao	Lương	Cộng	Thù lao	Lương	Cộng
Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025) Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025)	216.000.000	883.988.600	1.099.988.600	188.000.000	906.245.600	1.094.245.600
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025)	32.000.000	636.845.000	668.845.000	-	-	-
Ông Đặng Văn Chắt	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025) Phó Giám đốc	216.000.000	719.010.000	935.010.000	198.000.000	727.240.000	925.240.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	224.000.000	716.270.000	940.270.000	168.000.000	734.940.000	902.940.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Lê Thành Trung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)	-	148.600.000	148.600.000	-	-	-
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2024)	-	-	-	-	598.940.000	598.940.000
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	-	588.328.000	588.328.000	-	610.632.800	610.632.800
Cộng		1.520.000.000	3.693.041.600	5.213.041.600	1.226.000.000	3.577.998.400	4.803.998.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
		Thù lao	Lương	Cộng	Thù lao	Lương	Cộng
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng Ban	-	606.409.800	606.409.800	-	617.860.000	617.860.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	85.000.000	-	85.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên	85.000.000	-	85.000.000	95.000.000	-	95.000.000
Cộng		170.000.000	606.409.800	776.409.800	195.000.000	617.860.000	812.860.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.32. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bách Thảo
Người lập

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

